TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HNST
Ngày: 18/03/2022
Vv: "Xin ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Ông Trần Bá Tòng
2/Ông Phan Văn Sương
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: không tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2021/TLST-HN ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số: 6/2022/QĐST – HNGĐ ngày 02/03/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1983 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 25, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.
* *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 17, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo ñôn khởi kiện và bản khai đề ngày 24/11/2021 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Tuyết L trình bày:

Vào năm 2007 chị Lê Thị Tuyết L và anh Phan Văn H cưới nhau, hôn nhân do mai mối, sau một thời gian tìm hiểu và được cha mẹ 02 bên đồng ý nên chúng tôi tổ chức lễ cưới theo phong tục, khi cưới bên chồng có cho nữ trang cưới gồm 07 chỉ vàng 24K (gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc 02 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24K), số nữ trang cưới này vợ chồng thỏa thuận bán để chi tiêu trong gia đình hết. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An

Thạnh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/02/2008.

Sau khi cưới thì vợ chồng anh chị về sống tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long khoảng 01 năm, sau đó vợ chồng xây dựng nhà và ra ở riêng ở A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho đến nay. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một khoảng thời gian nên có sinh được 03 con chung tên Phan Lê An N, sinh ngày 19/3/2008 và Phan Lê Phú T, sinh ngày 10/01/2011 và Phan Lê Hạnh P, sinh ngày 27/11/2012 hiện đang sống cùng vợ chồng anh chị.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung nào hết và không thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, thường cãi vã với nhau đến mức trầm trọng. Anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu, công việc của chị L thì có hôm về sớm có hôm về muộn nên anh H hay ghen tuông vô cớ, anh H thường xuyên bạo hành gia đình đánh chị L nhiều lần, vợ chồng đã cố gắn khuyên bảo nhau rất nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, hiện tại tuy sống chung một nhà nhưng chị L và anh H không còn tình cảm gì với nhau, hiện tại mỗi người ai cũng có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Tuyết L yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn H.

Về con chung: có 03 con chung tên Phan Lê An N, sinh ngày 19/3/2008 và Phan Lê Phú T, sinh ngày 10/01/2011 và Phan Lê Hạnh P, sinh ngày 27/11/2012 hiện con chung đang sống với vợ chồng chị, nay chị L yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con chung là cháu N, cháu T, cháu P. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại biên bản hoà giải ngày 14/02/2022 anh Phan Văn H trình bày: Lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn gia đình là đúng. Chị L thường đi sớm về muộn anh H thương vợ cũng hay ghen. Nay chị L xin ly hôn anh H không đồng ý, anh H yêu cầu đoàn tụ. Nếu không đoàn tụ được mà ly hôn thì về con chung: Có 03 con chung tên Phan Lê An N, sinh ngày 19/3/2008 và Phan Lê Phú T, sinh ngày 10/01/2011 và Phan Lê Hạnh P, sinh ngày 27/11/2012 hiện con chung đang sống với vợ chồng, anh H yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con chung là cháu N, cháu T, cháu P, anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay:

* Chị L trình bày: Tại đơn xin ly hôn chị L khai kết hôn với anh H năm 2007 là không đúng mà chị L xin đính chính lại là kết hôn với anh Phan Văn H vào năm 2003 đến năm 2008 chị L và anh H đăng ký kết hôn mới đúng. Về mâu thuẫn gia đình: Vợ

chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, thường cãi vã với nhau đến mức trầm trọng. Anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu, công việc của chị L thì có hôm về sớm có hôm về muộn nên anh H hay ghen tuông vô cớ, anh H thường xuyên bạo hành gia đình đánh chị L nhiều lần, vợ chồng đã cố gắn khuyên bảo nhau rất nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, hiện tại tuy sống chung một nhà nhưng chị L và anh H không còn tình cảm gì với nhau, hiện tại mỗi người ai cũng có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết L xin ly hôn với anh Phan Văn H.

Về con chung: có 03 con chung tên Phan Lê An N, sinh ngày 19/3/2008 và Phan Lê Phú T, sinh ngày 10/01/2011 và Phan Lê Hạnh P, sinh ngày 27/11/2012, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung là cháu N, cháu T, cháu P. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2]Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Phan Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003, chị Lê Thị Tuyết L và anh Phan Văn H cưới nhau, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/02/2008 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật

bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị Lê Thị Tuyết L và anh Phan Văn H thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường cãi vã với nhau đến mức trầm trọng do anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên ăn nhậu, công việc của chị L thì có hôm về sớm có hôm về muộn nên anh H hay ghen tuông vô cớ, anh H thường xuyên bạo hành chị L nhiều lần. Chị L và anh H không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị L không còn mong muốn cùng anh H xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị L cương quyết ly hôn. Xét yêu cầu của chị L là có cơ sở nên áp dụng vào Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết L. Chị Lê Thị Tuyết L được ly hôn anh Phan Văn H.

[4]Xét về con chung: Chị Lê Thị Tuyết L và anh Phan Văn H chung sống với nhau có sinh được 03 con chung tên Phan Lê An N, sinh ngày 19/3/2008; Phan Lê Phú T, sinh ngày 10/01/2011 và Phan Lê Hạnh P, sinh ngày 27/11/2012 hiện đang sống cùng vợ chồng anh chị. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 3 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị L đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của các cháu không bị thay đổi nên để chị L tiếp tục nuôi con chung và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc và không trái pháp luật. Xét yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết L là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đinh năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết L. Chị Lê Thị Tuyết L được tiếp tục nuôi dưỡng 3 con chung tên Phan Lê An N, sinh ngày 19/3/2008; Phan Lê Phú T, sinh ngày 10/01/2011 và Phan Lê Hạnh P, sinh ngày 27/11/2012, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị Tuyết L và anh Phan Văn H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Lê Thị Tuyết L nộp 300.000 đồng, chị Lê Thị Tuyết L được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013323 ngày 24/11/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết L.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyêt L được ly hôn anh Phan Văn H.

2/Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết L được tiếp tục nuôi dưỡng 3 con chung tên Phan Lê An N, sinh ngày 19/3/2008 và Phan Lê Phú T, sinh ngày 10/01/2011 và Phan Lê Hạnh P, sinh ngày 27/11/2012, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Tuyết L nộp 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013323 ngày 24/11/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết L biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Phan Văn H

được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tựu

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Tân An Thạnh, Huyên Bình Tân, Vĩnh Long
- các đương sự;
- Lưu.